

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 6309.....
	Giờ..... Ngày 9 tháng 12 năm 12

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 – 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 – 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 37

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 4 năm 2006. Trong quá trình hoạt động Công ty lần lượt được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 01 ngày 07 tháng 12 năm 2006, lần 02 ngày 27 tháng 7 năm 2007 và lần 3 ngày 20 tháng 7 năm 2010.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định về việc niêm yết cổ phiếu số: 114/QĐ-SGDHCM do Tổng giám đốc Sở GDCK TP HCM ban hành ngày 23 tháng 09 năm 2009

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ghi chú</u>
- Ông Vũ Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	(i)
- Ông Nguyễn Gia Tường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	(iii)
- Ông Lê Công An	Thành viên	(ii)
- Bà Đào Thị Hoa	Thành viên	(ii)
- Ông Phạm Quang Rong	Thành viên	(iii)
- Ông Nguyễn Quang Hào	Thành viên	(ii)
- Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	(ii)
- Bà Nguyễn Thị Hợp	Thành viên	(iii)

- (i) Bổ nhiệm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
- (ii) Trở thành thành viên hội đồng quản trị khoá 2011-2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 45/NQ-DHĐCD ngày 29 tháng 4 năm 2011
- (iii) Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 45/NQ-DHĐCD ngày 29 tháng 4 năm 2011

Thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ghi chú</u>
- Ông Lê Công An	Tổng Giám đốc	
- Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Mai Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc	(iv)
- Bà Đào Thị Hoa	Kế Toán Trưởng	

- (iv) Bổ nhiệm theo Quyết định số 54/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Số 231 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội và các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình có trụ sở tại đường Trần Thủ Độ, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Đà Nẵng có trụ sở tại Quốc lộ 1A, xã Hoà Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Hồ Chí Minh có trụ sở tại số 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm cao su, chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su và kinh doanh xuất nhập khẩu phục vụ ngành cao su.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào đáng kể làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Sự kiện quan trọng trong năm tài chính

Ngoài các sự kiện như đã công bố tại mục 8.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào đặc biệt phát sinh trong năm tài chính cần phải công bố bổ sung.

7. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý về tài chính kế toán có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

10. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



Số: 37/2012/BCKT-BDOHN

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 37 kèm theo.

Báo cáo tài chính này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Không nhằm phủ nhận ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn bộ nêu trên, chúng tôi xin được lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Mục 5.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011, các khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá của các khoản mục tiền tệ giữa tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do Ngân hàng Nhà nước công bố với tỷ giá đang hạch toán trên sổ kế toán được Công ty ghi nhận đúng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo đó chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ là: tiền mặt, tiền gửi, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trên Bảng cân đối kế toán với tổng số tiền là 1.077.889.526 đồng. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, thì chi phí trong kỳ của Công ty sẽ tăng thêm số tiền tương ứng và lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm đi tương ứng.

Đại diện cho Công ty TNHH BDO Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Như Tiến
Phó Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0449/KTV

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0740/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: Số 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		477.344.360.808	371.264.189.395
Tiền và tương đương tiền	110		15.252.494.850	27.681.302.639
Tiền	111	6.1	15.252.494.850	21.681.302.639
Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.056.842.261	64.127.264.177
Phải thu khách hàng	131		75.287.621.066	56.501.728.022
Trả trước cho người bán	132		25.066.857.997	8.612.704.127
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	6.2	970.455.100	1.038.473.792
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.268.091.902)	(2.025.641.764)
Hàng tồn kho	140		357.435.280.105	272.135.072.657
Hàng tồn kho	141	6.3	357.435.280.105	272.135.072.657
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.599.743.592	7.320.549.922
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		101.723.752	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.325.453.874	3.769.204.224
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154	6.4	2.112.313.900	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.060.252.066	3.551.345.698
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183.168.708.380	199.458.705.274
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Tài sản cố định	220		171.523.096.624	190.044.774.189
TSCĐ hữu hình	221	6.5	120.503.833.490	136.093.040.814
- Nguyên giá	222		523.352.040.640	490.449.878.290
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(402.848.207.150)	(354.356.837.476)
TSCĐ thuê tài chính	224	6.6	47.139.960.695	49.932.589.950
- Nguyên giá	225		68.986.599.814	76.435.109.073
- Giá trị khấu hao lũy kế	226		(21.846.639.119)	(26.502.519.123)
TSCĐ vô hình	227	6.7	3.646.431.772	3.661.786.147
- Nguyên giá	228		3.703.723.022	3.703.723.022
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(57.291.250)	(41.936.875)
Chi phí XDCB dở dang	230	6.8	232.870.667	357.357.278
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.424.099.631	9.174.375.448
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6.9	11.424.099.631	9.174.375.448
Tài sản dài hạn khác	260		221.512.125	239.555.637
Chi phí trả trước dài hạn	261	6.10	221.512.125	239.555.637
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		660.513.069.188	570.722.894.669

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: Số 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
NỢ PHẢI TRẢ	300		446.904.585.945	333.094.422.096
Nợ ngắn hạn	310		420.137.925.676	307.507.888.017
Vay và nợ ngắn hạn	311	6.11	365.552.031.127	226.672.481.495
Phải trả người bán	312		30.512.731.618	40.213.261.629
Người mua trả tiền trước	313		4.918.339.353	4.668.394.860
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	6.12	3.195.407.288	2.051.923.483
Phải trả người lao động	315		4.921.965.466	16.756.892.313
Chi phí phải trả	316	6.13	5.493.534.888	5.585.922.615
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	6.14	990.521.320	1.008.449.114
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	5.561.134.981
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.553.394.616	4.989.427.527
Nợ dài hạn	320		26.766.660.269	25.586.534.079
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	6.15	24.506.525.255	23.772.260.441
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		967.558.853	1.747.519.092
Doanh thu chưa thực hiện	338		1.292.576.161	66.754.546
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		213.608.483.243	237.628.472.573
Vốn chủ sở hữu	410	6.16	213.280.535.631	237.446.232.974
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		162.000.000.000	162.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.605	3.605
Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.001.031.559	1.001.031.559
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.077.889.526)	(78.669.739)
Quỹ đầu tư phát triển	417		30.219.597.614	29.645.153.027
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.239.772.501	5.665.327.914
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		14.898.019.878	39.213.386.608
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		327.947.612	182.239.599
Nguồn kinh phí	432		216.090.911	14.454.547
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		111.856.701	167.785.052
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		660.513.069.188	570.722.894.669

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: Số 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		1.509.172.439	1.509.172.439
Ngoại tệ các loại (USD)		1.943,42	2.660,01
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 21 tháng 02 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG**Đào Thị Hoa****GIÁM ĐỐC****Lê Công An**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: Số 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	1.218.311.133.515	1.153.299.054.488
Các khoản giảm trừ	02	7.2	5.943.812.328	1.152.807.556
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	7.3	1.212.367.321.187	1.152.146.246.932
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	7.4	1.108.738.146.819	1.041.988.602.369
Lợi nhuận gộp về bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		103.629.174.368	110.157.644.563
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.5	1.831.508.300	1.673.140.827
Chi phí tài chính	22	7.6	50.764.841.502	43.247.022.135
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.599.999.714	30.285.888.682
Chi phí bán hàng	24		20.364.338.482	25.151.187.627
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.094.860.521	27.481.571.380
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.236.642.163	15.951.004.248
Thu nhập khác	31		1.115.937.946	1.532.727.016
Chi phí khác	32		330.933.593	138.163.956
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		785.004.353	1.394.563.060
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.021.646.516	17.345.567.308
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.7	755.411.629	2.863.337.786
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.266.234.887	14.482.229.522
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.9	140	1.149

Ngày 21 tháng 02 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Thị Hoa**GIÁM ĐỐC****Lê Công An**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.021.646.516	17.345.567.308
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	45.576.451.175	47.610.132.782
Các khoản dự phòng	03	(2.331.162.542)	(1.284.550.015)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	5.561.134.981
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	-
Chi phí lãi vay	06	46.599.999.714	30.285.888.682
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn LD	08	92.866.934.863	99.518.173.738
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(35.172.561.048)	7.848.119.480
Tăng giảm hàng tồn kho	10	(85.300.207.448)	(38.872.265.238)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(29.079.772.380)	(22.507.421.501)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(83.680.240)	341.040.879
Tiền lãi vay đã trả	13	(45.465.874.907)	(31.575.525.024)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(1.339.269.004)	(11.623.132.895)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	19.809.416.017	15.262.457.050
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(9.144.624.132)	(5.858.428.959)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(92.909.638.279)	12.533.017.530
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn	21	(15.519.653.909)	(13.446.375.734)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS d.hạn khác	22	239.363.636	111.818.181
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(2.288.899.735)	(7.497.047.220)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	39.175.552	39.175.552
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.175.202.807	1.300.768.077
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.354.811.649)	(19.491.661.144)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.023.088.517.953	762.384.788.788
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(890.360.935.084)	(746.318.066.020)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(11.499.370.010)	(10.631.127.843)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.392.959.400)	(12.755.630.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	96.835.253.459	(7.320.035.375)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: Số 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(12.429.196.469)	(14.278.678.989)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>	<i>27.681.302.639</i>	<i>41.959.981.628</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng.tệ		388.680	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>15.252.494.850</i>	<i>27.681.302.639</i>

Ngày 21 tháng 02 năm 2012

KÊ TOÁN TRƯỞNG**Đào Thị Hoa****GIÁM ĐỐC****Lê Công An**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 4 năm 2006. Trong quá trình hoạt động Công ty lần lượt được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 01 ngày 07 tháng 12 năm 2006, lần 02 ngày 27 tháng 7 năm 2007 và lần 3 ngày 20 tháng 7 năm 2010.

Công ty có vốn điều lệ là 162.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định về việc niêm yết cổ phiếu số: 114/QĐ-SGDHCM do Tổng giám đốc Sở GDCK TP HCM ban hành ngày 23 tháng 09 năm 2009

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hoá chất phục vụ sản xuất ngành công nghiệp cao su;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng kho bãi;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Mua bán hàng kính mắt thời trang; thiết bị quang học;
- Mua bán hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

Công ty có trụ sở chính tại Số 231 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội và các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình có trụ sở tại đường Trần Thủ Độ, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Đà Nẵng có trụ sở tại Quốc lộ 1A, xã Hoà Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Hồ Chí Minh có trụ sở tại số 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.224 người. Trong đó số nhân viên quản lý là 193 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Theo đó, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày kèm theo, và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và vùng lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

4 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

5 TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 của Công ty.

5.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5.3. Các giao dịch ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá của các khoản mục tiền tệ giữa tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do Ngân hàng Nhà nước công bố với tỷ giá đang hạch toán trên sổ kế toán được Công ty xử lý theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá nêu trên như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ là: tiền mặt, tiền gửi, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được phản ánh tại mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán, Đầu kỳ sau, số dư sẽ được hạch toán ngược lại để xóa số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính

Nếu áp dụng CMKTVN 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, thì chi phí trong kỳ của Công ty sẽ tăng thêm số tiền là 1.077.889.526 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

5.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|------------------------------------|--|
| - Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | Giá bình quân gia quyền |
| - Thành phẩm, hàng hoá: | Giá bình quân gia quyền |
| - Sản phẩm dở dang: | Giá vốn nguyên vật liệu cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm về giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng, giảm của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

5.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến bị tổn thất do không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

5.6.1 Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính bao gồm khoản phải trả nợ gốc thuê tài chính và chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính như: chi phí lắp đặt, chạy thử ...

Khấu hao TSCĐ hữu hình và thuê tài chính được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình (trừ Quyền sử dụng đất lâu dài) bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình (trừ Quyền sử dụng đất lâu dài) được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Riêng quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, Công ty không trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, chi phí mua và lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

5.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty ghi nhận khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp mà Công ty góp vốn liên doanh, liên kết khi nhận được thông báo chính thức của doanh nghiệp đó về số cổ tức được hưởng hoặc số lợi nhuận được chia trong kỳ theo nguyên tắc dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.9 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm chủ yếu giá trị công cụ, dụng cụ, các linh kiện nhỏ và các phụ tùng thay thế đã xuất dùng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian từ 01 đến 02 năm kể từ khi phát sinh.

5.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí còn phải trả đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị doanh nghiệp được đánh giá khi cổ phần hoá. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

5.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- (i) Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua, hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

5.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ, lỗ đánh giá chênh lệch tỷ giá số dư của các khoản nợ, vay dài hạn bằng ngoại tệ cuối kỳ. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả của các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty được xác định theo số tiền nợ gốc vay, lãi suất vay đã được thoả thuận và thời gian vay thực tế.

5.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo các mức thuế sau:

- Các sản phẩm lốp, săm, yếm và các sản phẩm cao su kỹ thuật... chịu thuế suất 10%;
- Cao su thiên nhiên và nhượng bán nước chịu thuế suất 5%.
- Các sản phẩm xuất khẩu chịu thuế suất 0%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25%.

Ưu đãi thuế:

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Theo quy định tại Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty tiếp tục được giảm thuế cho thời gian còn lại.

Năm tài chính 2011 là năm đầu tiên Công ty không còn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

6.1 Tiền

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i) 3.903.557.052	3.371.393.436
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 11.348.937.798	18.309.909.203
Cộng	15.252.494.850	21.681.302.639
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2011 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		3.903.557.052
Ngoại tệ		-
Cộng		3.903.557.052
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2011 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		11.308.460.245
Ngoại tệ (USD)	1.943,42 #	40.477.553
Cộng		11.348.937.798

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011 (VND)	Đơn vị: VND 01/01/2011 (VND)
Phải thu người lao động	-	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	-
Phải thu khác	(i) 970.455.100	1.038.473.792
Cộng	970.455.100	1.038.473.792

(i) Chi tiết các khoản phải thu khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

	(VND)
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương (Thuế GTGT tài sản thuê tài chính chưa phát hành hoá đơn thuế)	588.827.424
Công ty ô tô Chu Lai - Trường Hải (phải thu về bảo hành lốp)	-
Các khoản khác	381.627.676
Cộng	970.455.100

6.3 Hàng tồn kho

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	203.495.382.447	145.738.559.020
Công cụ, dụng cụ	3.158.037.120	4.182.252.128
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.559.580.428	7.281.248.343
Thành phẩm	135.443.664.943	108.965.986.884
Hàng hoá	3.293.532.294	5.707.421.878
Hàng gửi bán	485.082.873	259.604.404
Cộng giá gốc hàng tồn kho	357.435.280.105	272.135.072.657

6.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
Tiền thuế đất nộp thừa	2.112.313.900	-
Cộng	2.112.313.900	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SƯ SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu năm	91.674.910.795	362.767.092.790	34.117.867.545	1.890.007.160	-	490.449.878.290
- Mua trong năm	-	1.787.105.183	3.081.810.171	32.350.000	-	4.901.265.354
- Đầu tư XD CB h. thành	12.193.844.989	-	-	-	-	12.193.844.989
- Tăng khác	-	17.675.412.423	-	-	-	17.675.412.423
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(236.393.689)	(1.012.097.856)	(533.043.936)	-	-	(1.781.535.481)
- Giảm khác	-	-	(86.824.935)	-	-	(86.824.935)
Số dư cuối năm	103.632.362.095	381.217.512.540	36.579.808.845	1.922.357.160	-	523.352.040.640
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	55.602.055.598	272.915.283.934	24.337.334.656	1.502.163.288	-	354.356.837.476
- Khấu hao trong năm	4.695.524.987	28.491.627.621	3.640.106.301	149.608.406	-	36.976.867.315
- Tăng khác	-	13.296.037.840	-	-	-	13.296.037.840
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(236.393.689)	(1.012.097.856)	(533.043.936)	-	-	(1.781.535.481)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	60.061.186.896	313.690.851.539	27.444.397.021	1.651.771.694	-	402.848.207.150
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	36.072.855.197	89.851.808.856	9.780.532.889	387.843.872	-	136.093.040.814
Tại ngày cuối năm	43.571.175.199	67.526.661.001	9.135.411.824	270.585.466	-	120.503.833.490
Trong đó: - Thế chấp, cầm cố						62.669.986.597
- Đã khấu hao hết, đang sử dụng						105.657.667.479
- Chờ thanh lý						

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.6 Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, Trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	75.257.047.894	1.178.061.179	76.435.109.073
- Thuê t.chính trong năm	10.216.513.891	10.389.273	10.226.903.164
- Tăng khác	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê t.chính	(17.675.412.423)	-	(17.675.412.423)
- Trả lại TSCĐ thuê t.chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	67.798.149.362	1.188.450.452	68.986.599.814
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	26.006.181.900	496.337.223	26.502.519.123
- Khấu hao trong năm	8.167.766.170	472.391.666	8.640.157.836
- Tăng khác	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê t.chính	(13.296.037.840)	-	(13.296.037.840)
- Trả lại TSCĐ thuê t.chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	20.877.910.230	968.728.889	21.846.639.119
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	49.250.865.994	681.723.956	49.932.589.950
Tại ngày cuối năm	46.920.239.132	219.721.563	47.139.960.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.7 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	3.615.723.022	88.000.000	3.703.723.022
- Mua trong năm	-	-	-
- Đầu tư XD CB h. thành	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	3.615.723.022	88.000.000	3.703.723.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	-	41.936.875	41.936.875
- Khấu hao trong năm	-	15.354.375	15.354.375
- Tăng khác	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	57.291.250	57.291.250
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	3.615.723.022	46.063.125	3.661.786.147
Tại ngày cuối năm	3.615.723.022	30.708.750	3.646.431.772

6.8 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Lắp đặt máy lưu hóa sẫm	-	-
Khuôn lóp các loại	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	96.567.700	99.917.700
Các dự án khác	136.302.967	257.439.578
Cộng	232.870.667	357.357.278

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.9 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	13.058.598	52.234.150
Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black VN (i)	11.411.041.033	9.122.141.298
Cộng	11.424.099.631	9.174.375.448

6.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ dần	147.762.125	239.555.637
Chi phí bảo hiểm	73.750.000	-
Chi phí lãi vay cán bộ CNV trả trước	-	-
Cộng	221.512.125	239.555.637

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.11 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vay ngắn hạn	349.043.762.481	209.283.268.750
- Vay ngân hàng	(i) 323.184.824.234	188.535.681.917
- Vay cán bộ công nhân viên	4.858.938.247	5.747.586.833
- Vay Tập đoàn Hoá chất	18.000.000.000	15.000.000.000
- Vay Công đoàn Hoá chất VN	3.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	16.508.268.646	17.389.212.745
Cộng	365.552.031.127	226.672.481.495

(i) Số dư tiền vay ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

	Ngoại tệ	(VND)
Ngoại tệ (USD)	5.314.062,23	110.681.288.126
- Ngân hàng Công thương Đồng Đa	1.379.394,01 #	28.730.018.441
- Ngân hàng Techcombank – SGD	516.478,00 #	10.757.203.784
- Ngân hàng ACB – SGD	1.483.619,96 #	30.900.836.526
- Ngân hàng ANZ – Chi nhánh HN	1.934.570,26 #	40.293.229.375
Đồng Việt Nam (VND)		212.503.536.108
- Ngân hàng Công thương Đồng Đa		106.935.919.865
- Ngân hàng Công thương Phúc Yên		42.219.759.450
- Ngân hàng BIDV – Hà Nội		41.457.069.495
- Ngân hàng VCB – Thanh Xuân		21.764.488.915
- Ngân hàng Công thương Thái Bình		65.658.023
- Ngân hàng BIDV Thái Bình		60.640.360
Cộng		323.184.824.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	2.625.922.538	1.411.245.006
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	381.959.747	567.237.282
Thuế thu nhập cá nhân	187.525.003	73.441.195
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	3.195.407.288	2.051.923.483

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6.13 Chi phí phải trả

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí vận chuyển vật tư, sản phẩm	275.000.000	310.000.000
Chi phí khuyến mại (i)	3.100.529.485	4.638.344.039
Lãi vay ngân hàng	1.968.490.418	593.882.000
Thanh toán tiền độc hại	45.603.985	43.696.576
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Chi phí phải trả khác	103.911.000	-
Cộng	5.493.534.888	5.585.922.615

- (i) Chi phí khuyến mại được Tổng Giám đốc Công ty ra Quyết định cho từng thời kỳ tương ứng với doanh số mua hàng, sản lượng mua hàng hoàn thành kế hoạch, vượt kế hoạch và hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng tại thời điểm Quyết định có hiệu lực.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	217.523.867	232.876.423
Bảo hiểm xã hội	3.822.702	27.015.889
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	(i) 769.174.751	748.556.802
Cộng	990.521.320	1.008.449.114

(i) Chi tiết các khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	(VND)
Cổ tức phải trả	211.199.700
Cty Cổ phần Vifa Coating	160.500.000
Các đối tượng khác	397.475.051
Cộng	769.174.751

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.15 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Vay dài hạn	8.093.307.684	4.264.822.483
- Vay ngân hàng	(i) 8.093.307.684	4.264.822.483
- Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn	(ii) 16.413.217.571	19.507.437.958
Cộng	24.506.525.255	23.772.260.441

(i) Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HDTD của Ngân hàng Công thương Đồng Đa, lãi suất 20,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để thực hiện dự án xây dựng nhà sản xuất. Tổng hạn mức tín dụng của hợp đồng là 10.628.653.000 đồng. Số dư vay tại thời điểm 31/12/2011 là 10.030.567.044 đồng, trong đó số đến hạn trả năm 2012 là 1.937.259.360 đồng

(ii) Chi tiết các khoản thanh toán nợ thuê tài chính như sau:

Thời hạn (năm)	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011			Năm 2010		
	Tổng khoản thanh toán	Lãi tiền thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán	Lãi tiền thuê	Trả nợ gốc
<1						
1-5	15.988.142.191	5.874.421.381	10.113.720.810	13.037.052.465	4.095.942.775	8.941.109.690
>5	1.502.943.906	117.294.706	1.385.649.200	1.999.311.325	309.293.172	1.690.018.153

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ SH		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của CSH		CL tỷ giá hối đoái		Quỹ ĐTPT		Quỹ DPTC		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm																
trước	108.000.000.000	20.430.233.605			1.001.031.559		(979.677.303)		26.781.815.241		5.665.327.914		74.254.264.872		235.152.995.888	
Tăng vốn năm trước	54.000.000.000														54.000.000.000	
Lãi trong năm trước													14.482.229.522		14.482.229.522	
Phân phối quỹ									2.863.337.786						2.863.337.786	
Tăng khác							979.677.303								979.677.303	
Giảm vốn năm trước		(20.430.230.000)													(20.430.230.000)	
Phân phối lợi nhuận													(12.960.000.000)		(12.960.000.000)	
Lỗ trong năm trước							(78.669.739)								(78.669.739)	
Giảm khác													(36.563.107.786)		(36.563.107.786)	
Số dư cuối năm																
trước/đầu năm nay	162.000.000.000	3.605			1.001.031.559		(78.669.739)		29.645.153.027		5.665.327.914		39.213.386.608		237.446.232.974	
Tăng vốn năm nay																
Lãi trong năm nay													2.266.234.887		2.266.234.887	
Phân phối quỹ									574.444.587		574.444.587				1.148.889.174	
Tăng khác							79.667.289								79.667.289	
Giảm vốn năm nay																
Phân phối lợi nhuận													(24.300.000.000)		(24.300.000.000)	
Lỗ trong năm nay																
Giảm khác							(1.078.887.076)						(1)(2.281.601.617)		(3.360.488.693)	
Số dư cuối năm nay	162.000.000.000	3.605			1.001.031.559		(1.077.889.526)		30.219.597.614		6.239.772.501		14.898.019.878		213.280.535.631	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(i) Chi tiết các khoản giảm khác lợi nhuận chưa phân phối

	VND
- Bổ sung quỹ Đầu tư phát triển từ nguồn thuế TNDN được giảm	-
- Thù lao hội đồng quản trị	107.000.000
- Phạt chậm nộp thuế TNDN	52.688.016
- Nộp bổ sung thuế TNDN năm 2009 và 2010	398.579.840
- Trích các quỹ	1.723.333.761
Cộng	2.281.601.617

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	82.620.000.000	82.620.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	79.380.000.000	79.380.000.000
Cộng	162.000.000.000	162.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	162.000.000.000	108.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	54.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	162.000.000.000	162.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (i)	24.300.000.000	46.529.770.000

(i) Cổ tức, lợi nhuận năm 2010 (tỷ lệ 15% vốn điều lệ của chủ sở hữu) đã phân phối vào năm 2011

Cổ tức

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Cổ phiếu

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.200.000	16.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.200.000	16.200.000
Cổ phiếu phổ thông	16.200.000	16.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.200.000	16.200.000
Cổ phiếu phổ thông	16.200.000	16.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	30.219.597.614	29.645.153.027
Quỹ dự phòng tài chính	6.239.772.501	5.665.327.914
Cộng	36.459.370.115	35.310.480.941

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ Đầu tư phát triển được dùng để đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh theo định hướng chiến lược của Công ty, kể cả bổ sung vốn điều lệ cho Công ty và đầu tư ra ngoài Công ty.
- Quỹ Dự phòng tài chính dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh của Công ty. Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**7.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2011 (VND)	2010 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.218.311.133.515</u>	<u>1.153.299.054.488</u>
Doanh thu bán hàng	1.207.680.015.490	1.141.220.188.698
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.802.246.197	8.321.512.048
Doanh thu bán vật tư	1.828.871.828	3.757.353.742

7.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2011 (VND)	2010 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	<u>5.943.812.328</u>	<u>1.152.807.556</u>
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	400.000	2.138.178
Hàng bán bị trả lại	5.943.412.328	1.150.669.378

7.3 Doanh thu thuần

	2011 (VND)	2010 (VND)
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ	<u>1.212.367.321.187</u>	<u>1.152.146.246.932</u>
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	1.201.736.203.162	1.140.067.381.142
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	8.802.246.197	8.321.512.048
Doanh thu thuần bán vật tư	1.828.871.828	3.757.353.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

7.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2011 (VND)	2010 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	199.639.786.202	110.811.269.466
Giá vốn thành phẩm đã bán	907.606.103.304	928.080.100.215
Giá vốn vật tư đã cung cấp	1.492.257.313	3.097.232.688
Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	-	-
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	1.108.738.146.819	1.041.988.602.369

7.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 (VND)	2010 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	614.378.359	631.888.536
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	560.824.448	560.824.448
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	656.305.493	480.427.843
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	1.831.508.300	1.673.140.827

7.6 Chi phí hoạt động tài chính

	2011 (VND)	2010 (VND)
Lãi tiền vay	46.599.999.714	30.285.888.682
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.164.841.788	7.399.998.472
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.561.134.981
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	50.764.841.502	43.247.022.135

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

7.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	2011 (VND)	2010 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	755.411.629	2.863.337.786
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm nay	-	-
Cộng	755.411.629	2.863.337.786

7.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2011 (VND)	2010 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.168.231.949.469	1.021.621.953.790
Chi phí nhân công	63.963.871.481	70.743.093.991
Chi phí khấu hao TSCĐ	45.576.451.175	47.610.132.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.766.847.244	27.722.691.764
Chi phí khác bằng tiền	102.556.834.884	91.406.807.747
Cộng	1.410.095.954.253	1.259.104.680.074

7.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2011 (VND)	2010 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.266.234.887	14.482.229.522
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi)</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.266.234.887	14.482.229.522
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.200.000	12.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	140	1.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thông tin về các bên có liên quan***Các bên liên quan:*

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	Hà Nội	Công ty Mẹ
Công ty TNHH ITV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Bắc Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	Phú Thọ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH ITV Apatite Việt Nam	Lào Cai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH ITV DAP VinaChem	Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Vật tư XNK Hoá chất	Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH ITV Xây lắp Hoá chất	Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tài chính Hoá chất	Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Ninh Bình	Công ty cùng Tập đoàn

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH ITV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Cung cấp băng tải	540.100.000
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cung cấp nguyên vật liệu	1.279.683.196
Công ty Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	Cung cấp băng tải	3.061.729.000
Công ty TNHH ITV Apatite Việt Nam	Cung cấp băng tải	2.470.578.000
Công ty TNHH ITV DAP VinaChem	Cung cấp băng tải, khớp nối	1.139.836.500
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cung cấp băng tải	399.740.000
Mua hàng hoá dịch vụ		
Công ty Vật tư XNK Hoá chất	Mua nguyên vật liệu	30.056.400.267
Công ty TNHH ITV Xây lắp Hoá chất	Sửa chữa máy móc, thiết bị	-
Công ty Cổ phần thiết kế CN Hoá chất	Lập dự án khảo sát di dời	445.100.000
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Mua nguyên vật liệu	463.604.680

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Vay

Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	Vay ngắn hạn	68.000.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Hoá chất	Vay ngắn hạn	36.110.521.615
Công đoàn Hoá chất Việt Nam	Vay ngắn hạn	3.000.000.000

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Số tiền VNĐ
Các khoản phải thu	
Công ty TNHH ITV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	-
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	-
Công ty Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	-
Công ty TNHH ITV Apatite Việt Nam	413.160.000
Công ty TNHH ITV DAP VinaChem	279.999.500
Các khoản phải trả	
Công ty Vật tư XNK Hoá chất	3.734.522.628
Công ty TNHH ITV Xây lắp Hoá chất	-
Công ty Cổ phần thiết kế CN Hoá chất	-
Các khoản vay nợ	
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Hoá chất	-
Công đoàn Hoá chất Việt Nam	3.000.000.000

8.2 Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nhân sự chủ chốt trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có một số thay đổi như sau:

- Ông Vũ Tiến Dũng được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng;
- Các ông, bà gồm: (1) Ông Lê Công An; (2) Ông Nguyễn Quang Hào; (3) Ông Nguyễn Văn Thịnh; và (4) Bà Đào Thị Hoa trở thành thành viên Hội đồng Quản trị khoá 2011-2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2011;
- Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với các ông, bà gồm: (1) Ông Nguyễn Gia Tường; (2) Ông Phạm Quang Rong; và (3) Bà Nguyễn Thị Hợp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2011; và
- Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Ông Mai Chiến Thắng theo Quyết định số 54/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

8.3 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Thị Hoa

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Công An

